TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2022/DS-PT
Ngày 07-12-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Phạm Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnhTây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiệp Đ, sinh năm: 1994; cư trú tại:: Số 92 Đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Hồng L, sinh năm: 1977; cư trú tại: 16/16 Lý Nam Đ1, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền ngày 03-6-2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Trần Như Q, sinh năm: 1996; cư trú tại:: Số 27 Đường N, khu phố 5, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1960; cư trú tại: số 73 Đường Trần Hưng Đạo, khu phố 4, Phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 23-5-2022). Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiệp Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Đ với chị Đặng Trần Như Q là đồng nghiệp đang làm việc tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh. Trong thời gian làm việc chung với nhau, chị Đ đã cho chị Q vay nhiều lần với thỏa thuận vay ngắn hạn khoảng 03 ngày, lãi suất vay là 0,3%/ngày. Hiện nay chị Q còn nợ chị Đ các khoản vay như sau:

Ngày 12/01/2022, cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng;

Ngày 14/01/2022, cho vay số tiền 500.000.000 đồng;

Ngày 25/01/2022, cho vay số tiền 300.000.000 đồng;

Ngày 26/01/2022, cho vay số tiền 270.000.000 đồng.

Tổng cộng chị Đ đã chuyển cho chị Q vay số tiền 2.070.000.000 đồng.

Sau khi vay, chị Q đã chuyển trả lại cho chị Đ được số tiền 470.000.000 đồng tiền vốn và 51.420.000 đồng tiền lãi. Cụ thể:

Ngày 20/01/2022, chị Q chuyển trả số tiền 200.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi 18.000.000 đồng

Ngày 26/01/2022, chị Q chuyển trả số tiền lãi 12.000.000 đồng;

Ngày 28/01/2022, chị Q chuyển trả số tiền lãi 21.420.000 đồng;

Ngày 29/01/2022, chị Q chuyển trả số tiền vốn là 145.000.000 đồng;

Ngày 30/01/2022, chị Q chuyển trả số tiền vốn là 125.000.000 đồng.

Các lần cho vay, chị Đ chuyển khoản cho chị Q vào tài khoản số 3996868666888 Ngân hàng Quân đội (MB) từ số tài khoản của mẹ chị Đ là bà Ngô Thị Ngân số tài khoản 106000658696 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PV). Khi chị Q trả tiền cho chị Đ cũng chuyển khoản vào số tài khoản của bà Ngân.

Sau ngày 30/01/2022 đến nay, chị Q không trả tiền lãi và tiền vốn cho chị Đ. Hiện nay, chị Q còn nợ chị Đ 1.600.000.000 đồng tiền vốn và lãi theo thỏa thuận 0,3%/ngày tính từ ngày 30/01/2022 đến nay.

Chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Q trả cho chị Đ số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận 0,3%/ngày tính từ ngày 30/01/2022 đến nay.

Bị đơn chị Đặng Trần Như Q và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày.

Chị Q thừa nhận trong thời gian làm việc chung, chị Đ có tiền dôi dư và có nói ai có nhu cầu vay thì chị Đ cho vay với lãi suất 0,3%/ngày, chị giới thiệu thì được hưởng hoa hồng 0,1%/số tiền vay/ngày nên chị Q có giới thiệu chị Trần Thị Ngọc A và được chị Đ đồng ý cho vay tiền. Chị Đ chuyển tiền cho chị A bằng tài khoản mang tên mẹ chị Đ là bà Ngân, chuyển khoản vào tài khoản của chị Q rồi chị Q chuyển cho chị A nhằm để chị Q làm chứng cho hai bên. Những lần vay và trả tiền của chị A và chị Đ như sau:

Ngày 20/01/2022, chị A vay của chị Đ 800.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2022, chị A vay của chị Đ 1.070.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2022, chị A vay của chị Đ 32.550.000 đồng.

Tổng cộng 1.902.550.000 đồng.

Ngày 30/01/2022, chị A trả cho chị Đ 302.550.000 đồng, trong đó có 270.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 26/01/2022 và số tiền lãi nợ ngày 28/01/2022 là 32.550.000 đồng.

Sau đó, chị A không trả tiền cho chị Đ nữa và đã bỏ trốn, tổng số tiền chị A chưa trả là 1.600.000.000 đồng.

Chị không vay tiền của chị Đ mà chỉ là người giới thiệu hưởng hoa hồng, thể hiện trong nội dung các tin nhắn qua mạng xã hội Zalo giữa chị và chị Đ.

Giữa chị Đ và chị A có làm giấy nợ và chị Đ đang giữ. Chị A có viết giấy xác nhận việc chị A vay tiền của chị Đ không liên quan đến chị Q. Chị Q cũng không bảo lãnh cho chị A vay tiền chị Đ nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Tại Bản án 124/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiệp Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với chị Đặng Trần Như Q.

Buộc chị Đặng Trần Như Q trả cho chị Nguyễn Thị Hiệp Đ số tiền nợ gốc là 1.548.580.000 đồng và lãi là 90.592.000đồng. Tổng cộng là 1.639.172.000 đồng

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04-10-2022, bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng: Các bên đương sự thống nhất chị Đ có chuyển khoản cho chị Q tổng số tiền 2.070.000.000 đồng và hiện còn nợ lại số tiền 1.600.000.000 đồng. Chị Đ cho rằng số tiền chuyển khoản cho chị Q là tiền cho chị Q vay nhưng ngược lại chị Q cho rằng số tiền chị Đ chuyển khoản cho chị Q là tiền cho chị Trần Ngọc Ánh vay, chị Q chỉ là người giới thiệu, làm chứng cho hai bên.

[3] Xét thấy, chị Đ đã nhiều lần cho chị Q vay tiền với hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản của bà Ngân, hai bên không làm hợp đồng vay bằng văn bản. Lần chuyển khoản này, chị Q cho rằng không phải chị Q vay tiền của chị Đ, tuy nhiên chị Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện đây là khoản vay của chị A. Các lần giao dịch chuyển khoản giữa hai bên được trích trong bảng kê do ngân hàng cung cấp chỉ thể hiện giao dịch giữa chị Đ và chị Q và giữa chị Q với chị A, hoàn toàn không có giao dịch nào giữa chị Đ và chị A. Nội dung giao dịch cũng không lần nào thể hiện chuyển khoản tiền cho chị A vay.

Các tin nhắn qua mạng xã hội Zalo giữa chị Đ và chị Q cũng không có nội dung nào thể hiện số tiền nêu trên là tiền chị Đ cho chị A vay.

Chị Q cung cấp giấy xác nhận có nội dung chị A xác nhận khoản nợ 1.870.000.000 đồng không liên quan đến chị Q, tuy nhiên không có chữ ký hoặc lời xác nhận của chị Đ đối với văn bản này. Ngoài ra, chị Q còn cung cấp tài liệu là bản chụp Hợp đồng vay viết tay giữa chị A và chị Đ nhưng không cung cấp được bản chính, chị Đ không thừa nhận có giao dịch vay tiền với chị A, do đó, tài liệu này không được xem là chứng cứ để xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, buộc chị Q có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc

1.548.580.000 đồng và lãi là 90.592.000 đồng, tổng cộng là 1.639.172.000 đồng, là có căn cứ, đúng pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chị Q; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tuy nhiên, về tiền lãi chậm trả đối với hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần điều chỉnh về phần này mà không cần thiết sửa bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Trần Như Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh có điều chỉnh về lãi chậm trả.

Căn cứ vào Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiệp Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với chị Đặng Trần Như Q.

Buộc chị Đặng Trần Như Q trả cho chị Nguyễn Thị Hiệp Đ số tiền nợ gốc là 1.548.580.000 (một tỉ, năm trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng và tiền lãi là 90.592.000 (chín mươi triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng, tổng cộng là 1.639.172.000 (một tỉ sáu trăm ba mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đặng Trần Như Q phải chịu 61.175.000 (sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Chị Nguyễn Thị Hiệp Đ không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.360.000 (ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000950 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đặng Trần Như Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0001367 ngày 07-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai